| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 7 - 2018
*V/v Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Huỳnh V Thanh.

Ông Nguyễn V Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn V Luận, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 285/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2018 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị Bé H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp PH, xã LK, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn*: Anh **Trương Hữu T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp XĐ, xã HX, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H, anh T có mặt phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đặng Thị Bé H trình bày: Chị và anh Trương Hữu T chung sống với nhau vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Đã nhiều lần chị nộp đơn xin ly hôn với

anh T nhưng vì còn thương chồng nên chị đã rút đơn xin ly hôn để cho anh T có cơ hội sửa chữa tánh tình, sau khi rút đơn về anh T vẫn không thay đổi. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng khó có thể hàng gắn lại được, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có hai con chung tên Trương Vĩ V - sinh ngày 15/2/2006 và Trương Vĩ T1 – sinh ngày 29/11/2008. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trương Vĩ T1 và đồng ý giao cháu Trương Vĩ V cho anh T tực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai ngày 20/6/2018 bị đơn là anh Trương Hữu T trình bày: Anh và chị H chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn để ly hôn, anh cũng không có quan hệ với ai hết mà do chị H hay ghen tuông ghi ngờ anh. Chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con. Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: có hai con chung tên Trương Vĩ V, sinh ngày 15/2/2006 và Trương Vĩ T1, sinh ngày 29/11/2008. Nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý giao con chung là Trương Vĩ T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi Trương Vĩ V vì hiện nay cháu V đang sống chung với anh và cũng theo nguyện vọng của hai con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu xin ly hôn của chị H là không có căn cứ, bởi chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 2005 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận anh và chị H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, nay anh đồng ý ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Bé H và anh Trương Hữu T. Về con chung giao con chung tên Trương Vĩ T1, sinh ngày 29/11/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao Trương Vĩ V, sinh ngày 15/2/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của các con. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị H và anh T không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Bé H và anh Trương Hữu T có tổ chức đám cưới vào năm 2005 nhưng đến nay anh chị vẫn không có đăng ký kết hôn. Chị H xác định sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như trên. Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T. Tại phiên Tòa anh T cũng đồng ý ly hôn với chị. Xét thấy sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với pháp luật. Tuy nhiên, do anh chị sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, nên cần không công nhận chị H, anh T là vợ chồng mới phù hợp khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H và anh T thống nhất giao con chung tên Trương Vĩ T1, sinh ngày 29/11/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao Trương Vĩ V, sinh ngày 15/2/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là phù với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với qui định pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Bé H và anh Trương Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Vĩ V, sinh ngày 15/2/2006 cho anh Trương Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao Trương Vĩ T1, sinh ngày 29/11/2008 cho

chị Đặng Thị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh T và chị H không yêu cầu.

Anh T, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 theo hai biên lai thu số 15654 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị H đã nộp xong.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Phan Minh Trâm**